

# **Công ty Cổ phần Thép Pomina**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2015

# Công ty Cổ phần Thép Pomina

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	3
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	4 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	7 - 8
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	9 - 33

# Công ty Cổ phần Thép Pomina

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thép Pomina ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập từ việc cổ phần hóa Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thép Pomina và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3700321364 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 17 tháng 7 năm 2008 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất sắt, thép, gang; tái chế phế liệu kim loại.

Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là POM theo Quyết định số 68/QĐ-SGDHCM ngày 7 tháng 4 năm 2010.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 27 Khu Công nghiệp Sóng Thần 2, Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có chi nhánh Nhà máy Thép Pomina 1 được đặt tại số 27 Khu Công nghiệp Sóng Thần 2, Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương và chi nhánh Nhà máy Luyện Phôi thép được đặt tại đường số 9, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đỗ Xuân Chiêu	Chủ tịch
Ông Đỗ Tiến Sĩ	Phó Chủ tịch
Bà Đỗ Thị Kim Cúc	Thành viên
Ông Đỗ Duy Thái	Thành viên
Ông Đỗ Văn Khánh	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Tô Tử	Trưởng ban
Ông Nguyễn Bạch Trường Chinh	Thành viên
Ông Đỗ Hoàn Mỹ	Thành viên

### BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đỗ Tiến Sĩ	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2015
Ông Đỗ Văn Khánh	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2015
Bà Nguyễn Thanh Lan	Phó Tổng Giám đốc	

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là:

Ông Đỗ Tiến Sĩ	bổ nhiệm ngày 13 tháng 7 năm 2015
Ông Đỗ Văn Khánh	từ nhiệm ngày 13 tháng 7 năm 2015

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.



# Công ty Cổ phần Thép Pomina

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thép Pomina ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty là công ty mẹ của một công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 11 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và Công ty đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cần đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Đỗ Tiến Sĩ  
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 8 năm 2015





Building a better  
working world

Ernst & Young Vietnam Limited  
28th Floor, Bitexco Financial Tower  
2 Hai Trieu Street, District 1  
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252  
Fax: +84 8 3824 5250  
ey.com

Số tham chiếu: 61121142/17794163/LR

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Thép Pomina

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty Cổ phần Thép Pomina ("Công ty"), được trình bày từ trang 4 đến trang 33 bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có sự đảm bảo vừa phải về việc liệu báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có còn các sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính. Do đó, công tác soát xét cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Dựa trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Lê Vũ Trường  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 1588-2013-004-1

Ngô Hồng Sơn  
Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 2211-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 8 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30 tháng 6 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>2.885.693.032.626</b>	<b>3.799.999.487.675</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>	<b>4</b>	<b>107.698.030.725</b>	<b>32.203.188.876</b>
111	1. Tiền		107.698.030.725	32.203.188.876
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>1.359.229.522.938</b>	<b>1.211.661.963.628</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	1.328.048.297.303	1.201.365.856.934
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	13.914.703.454	3.218.418.875
136	3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	6	17.266.522.181	7.077.687.819
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>7</b>	<b>1.369.801.741.547</b>	<b>2.340.228.843.493</b>
141	1. Hàng tồn kho		1.369.801.741.547	2.343.680.912.661
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(3.452.069.168)
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>48.963.737.416</b>	<b>215.905.491.678</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	8.528.449.095	6.427.638.534
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	8	33.656.349.854	202.501.623.259
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	8	6.778.938.467	6.976.229.885
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>2.917.275.459.612</b>	<b>3.002.365.891.612</b>
<b>210</b>	<b>I. Phải thu dài hạn</b>		<b>10.000.000</b>	<b>10.000.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác		10.000.000	10.000.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>2.034.011.042.606</b>	<b>2.096.166.140.743</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	2.029.247.209.102	2.091.708.282.416
222	Nguyên giá		2.966.378.083.906	2.956.425.354.671
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(937.130.874.804)	(864.717.072.255)
227	2. Tài sản vô hình	10	4.763.833.504	4.457.858.327
228	Nguyên giá		7.877.618.799	7.157.618.799
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(3.113.785.295)	(2.699.760.472)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>517.907.492</b>	<b>532.153.735</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		517.907.492	532.153.735
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>796.000.000.000</b>	<b>796.000.000.000</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con	11	796.000.000.000	796.000.000.000
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>86.736.509.514</b>	<b>109.657.597.134</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	86.736.509.514	109.657.597.134
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>5.802.968.492.238</b>	<b>6.802.365.379.287</b>



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30 tháng 6 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014 (Trình bày lại – Thuyết minh số 27)
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>3.702.589.401.907</b>	<b>4.653.144.464.584</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>3.025.939.225.601</b>	<b>3.863.094.868.639</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	359.075.267.728	359.195.160.605
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.299.839.965	219.538.630
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	8	21.815.219.165	20.979.911.470
314	4. Phải trả người lao động		1.702.636.076	3.460.649.972
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	134.598.262.813	95.863.254.855
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	16.417.289.141	17.148.077.672
320	7. Vay ngắn hạn	16	2.491.030.710.713	3.366.228.275.435
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>676.650.176.306</b>	<b>790.049.595.945</b>
337	1. Nợ phải trả dài hạn khác		-	1.038.357.500
338	2. Vay dài hạn	17	676.650.176.306	789.011.238.445
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>2.100.379.090.331</b>	<b>2.149.220.914.703</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>18.1</b>	<b>2.100.379.090.331</b>	<b>2.149.220.914.703</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.874.499.510.000	1.874.499.510.000
411a	- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết		1.874.499.510.000	1.874.499.510.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		35.000.000.000	35.000.000.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		(31.347.567.000)	(31.347.567.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		511.428.346.574	511.428.346.574
421	5. Lỗ lũy kế		(289.201.199.243)	(240.359.374.871)
421a	- Lỗ lũy kế đến cuối kỳ trước		(240.359.374.871)	(171.342.207.373)
421b	- Lỗ kỳ này		(48.841.824.372)	(69.017.167.498)
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>5.802.968.492.238</b>	<b>6.802.365.379.287</b>

*ma*

Nguyễn Thị Phương Mai  
Người lập

*huynh*

Nguyễn Nhật Trường  
Kế toán trưởng

*Đỗ Tiến Sĩ*

M.S.D.N. 3700321364-C.T.C.P.  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
THÉP  
POMINA  
T.X. DI AN - T.


Đỗ Tiến Sĩ  
Tổng Giám đốc


Ngày 27 tháng 8 năm 2015

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	3.453.157.664.672	3.171.811.160.998
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19.1	(9.307.710.797)	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	3.443.849.953.875	3.171.811.160.998
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		(3.313.397.606.419)	(3.034.145.396.537)
20	5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ		130.452.347.456	137.665.764.461
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	7.451.951.703	5.771.977.206
22	7. Chi phí tài chính	20	(128.078.006.344)	(120.196.671.970)
23	- Trong đó: chi phí lãi vay		(88.621.086.048)	(82.654.856.947)
25	8. Chi phí bán hàng	21	(11.622.066.296)	(11.862.061.059)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	(37.403.637.971)	(38.690.386.000)
30	10. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh		(39.199.411.452)	(27.311.377.362)
31	11. Thu nhập khác		72.732.921	2.361.779
32	12. Chi phí khác	22	(9.715.145.841)	(3.504.594.951)
40	13. Lỗ khác		(9.642.412.920)	(3.502.233.172)
50	14. Tổng lỗ kế toán trước thuế		(48.841.824.372)	(30.813.610.534)
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.1	-	-
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại		-	35.140.936
60	17. Lỗ thuần sau thuế TNDN		(48.841.824.372)	(30.778.469.598)

  
Nguyễn Thị Phương Mai  
Người lập

  
Nguyễn Nhật Trường  
Kế toán trưởng

  
Đỗ Tiến Sĩ  
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 8 năm 2015



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
<b>01</b>	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		<b>(48.841.824.372)</b>	<b>(30.813.610.534)</b>
	<b>Tổng lỗ kế toán trước thuế</b>			
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	9, 10	73.338.026.339	72.961.709.113
03	Hoàn nhập các khoản dự phòng		(3.452.069.168)	(671.632.479)
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	20	25.352.842.501	23.567.910.278
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(174.222.670)	(188.630.229)
06	Chi phí lãi vay	20	88.621.086.048	82.654.856.947
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>134.843.838.678</b>	<b>147.510.603.096</b>
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		18.134.382.118	(420.654.236.363)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		973.879.171.114	(536.690.568.691)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		38.838.290.968	(111.093.706.150)
12	Giảm chi phí trả trước		20.820.277.059	23.178.320.764
14	Tiền lãi vay đã trả		(90.455.812.832)	(82.654.856.947)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh</b>		<b>1.096.060.147.105</b>	<b>(980.404.444.291)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(11.168.681.959)	(20.830.695.152)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		72.727.273	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi		101.495.397	188.630.229
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(10.994.459.289)</b>	<b>(20.642.064.923)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay		2.696.418.583.452	2.969.220.987.679
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(3.706.516.631.885)	(1.942.775.465.622)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính</b>		<b>(1.010.098.048.433)</b>	<b>1.026.445.522.057</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		74.967.639.383	25.399.012.843
60	Tiền đầu kỳ		32.203.188.876	20.664.199.105
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		527.202.466	(550.091.529)
70	Tiền cuối kỳ		107.698.030.725	45.513.120.419



Nguyễn Thị Phương Mai  
Người lập



Nguyễn Nhật Trường  
Kế toán trưởng



Đỗ Tiến Sĩ  
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 8 năm 2015



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

## 1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thép Pomina ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập từ việc cổ phần hóa Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thép Pomina và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3700321364 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 17 tháng 7 năm 2008 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất sắt, thép, gang; tái chế phế liệu kim loại.

Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là POM theo Quyết định số 68/QĐ-SGDHCM ngày 7 tháng 4 năm 2010.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 27 Khu Công nghiệp Sóng Thần 2, Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có chi nhánh Nhà máy Thép Pomina 1 được đặt tại số 27 Khu Công nghiệp Sóng Thần 2, Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương và chi nhánh Nhà máy Luyện Phôi thép được đặt tại đường số 9, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 844 người (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 903 người).

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Công ty là công ty mẹ của một công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 11 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và Công ty đang trong quá trình hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cần đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.2 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**2.3 Đơn vị tiền tệ kế toán**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VNĐ").

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực cho kỳ kế toán bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã báo cáo lại số liệu tương ứng của kỳ trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kỳ này như đã trình bày tại Thuyết minh số 27.

**3.2 Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

**3.3 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

**Dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

#### 3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

#### 3.6 Tài sản vô hình

Tài sản vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

#### 3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 40 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải	7 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	3 - 10 năm

#### 3.8 Thuê hoạt động

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

#### 3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay, bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ.

#### 3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.11 Đầu tư vào công ty con**

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trong kỳ kế toán của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của khoản đầu tư vào công ty con theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.12 Các khoản phải trả và trích trước**

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.14 Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.15 Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

*Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

**3.16 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện và hoàn thành.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

**3.17 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.17 Thuế (tiếp theo)

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con và chi nhánh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con và chi nhánh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

**4. TIỀN**

	30 tháng 6 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
Tiền mặt	226.935.920	134.306.232
Tiền gửi ngân hàng	<u>107.471.094.805</u>	<u>32.068.882.644</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>107.698.030.725</u></b>	<b><u>32.203.188.876</u></b>

Toàn bộ tiền gửi ngân hàng đã được dùng để đảm bảo các khoản vay (*Thuyết minh số 16*).

**5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

**5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	30 tháng 6 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
Phải thu từ bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 25</i> )	1.246.584.085.095	1.155.352.577.664
Phải thu từ bên thứ ba	<u>81.464.212.208</u>	<u>46.013.279.270</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.328.048.297.303</u></b>	<b><u>1.201.365.856.934</u></b>

Toàn bộ khoản phải thu khách hàng đã được dùng để đảm bảo các khoản vay (*Thuyết minh số 16*).

**5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30 tháng 6 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
Trả trước cho bên thứ ba	13.914.703.454	3.218.418.875
<i>Trong đó:</i>		
<i>Vesuvius Corporation</i>	6.285.833.990	-
<i>QVC International Private Limited</i>	4.659.351.840	-
<i>Các khoản trả trước khác</i>	<u>2.969.517.624</u>	<u>3.218.418.875</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>13.914.703.454</u></b>	<b><u>3.218.418.875</u></b>

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	30 tháng 6 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
Phải thu tiền điện từ bên thứ ba	10.502.452.670	-
Phải thu từ bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 25</i> )	4.583.310.995	4.583.310.995
Tạm ứng cho nhân viên	758.036.564	869.758.356
Phải thu khác	<u>1.422.721.952</u>	<u>1.624.618.468</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>17.266.522.181</u></b>	<b><u>7.077.687.819</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

**7. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	30 tháng 6 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	804.537.586.492	1.398.512.275.652
Hàng mua đang đi trên đường	229.452.384.942	2.900.291.460
Thành phẩm	222.382.712.932	817.073.063.525
Công cụ, dụng cụ	113.429.057.181	107.130.300.794
Hàng gửi đi bán	-	18.064.981.230
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.369.801.741.547</b>	<b>2.343.680.912.661</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(3.452.069.168)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>1.369.801.741.547</b>	<b>2.340.228.843.493</b>

Toàn bộ hàng tồn kho đã được dùng để đảm bảo các khoản vay (Thuyết minh số 16).

*Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:*

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Số đầu kỳ	(3.452.069.168)	-
Trừ: Sử dụng trong kỳ	3.452.069.168	-
Số cuối kỳ	-	-

**8. THUẾ**

	VND			
	31 tháng 12 năm 2014 (Trình bày lại - Thuyết minh số 27)	Tăng	Số đã nộp	30 tháng 6 năm 2015
<b>Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	202.501.623.259	168.845.273.405	-	33.656.349.854
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 24.1)	6.778.938.467	-	-	6.778.938.467
Thuế nhập khẩu	197.291.418	197.291.418	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>209.477.853.144</b>	<b>169.042.564.823</b>	<b>-</b>	<b>40.435.288.321</b>
<b>Phải trả</b>				
Thuế giá trị gia tăng	133.988.482	236.040.944.772	220.742.904.218	15.432.029.036
Thuế nhập khẩu	20.828.295.109	10.801.528.881	25.288.000.332	6.341.823.658
Thuế thu nhập cá nhân	17.627.879	129.613.614	105.875.022	41.366.471
Thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>20.979.911.470</b>	<b>246.976.087.267</b>	<b>246.140.779.572</b>	<b>21.815.219.165</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	VNĐ Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	625.705.358.123	2.229.718.340.241	98.184.905.704	2.816.750.603	2.956.425.354.671
Tăng trong kỳ	900.292.371	9.562.635.831	-	-	10.462.928.202
Thanh lý	-	-	(510.198.967)	-	(510.198.967)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	626.605.650.494	2.239.280.976.072	97.674.706.737	2.816.750.603	2.966.378.083.906
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu hao hết	1.764.875.462	359.618.226.127	25.192.854.850	1.128.664.669	387.704.621.108
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	84.108.155.785	735.068.482.165	43.967.878.400	1.572.555.905	864.717.072.255
Khấu hao trong kỳ	13.312.408.275	55.457.238.519	4.068.205.977	86.148.745	72.924.001.516
Thanh lý	-	-	(510.198.967)	-	(510.198.967)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	97.420.564.060	790.525.720.684	47.525.885.410	1.658.704.650	937.130.874.804
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	541.597.202.338	1.494.649.858.076	54.217.027.304	1.244.194.698	2.091.708.282.416
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	529.185.086.434	1.448.755.255.388	50.148.821.327	1.158.045.953	2.029.247.209.102

Như đã được đề cập trong Thuyết minh số 16 và 17 Công ty đã thế chấp một số tài sản có định hữu hình để bảo đảm cho các khoản vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

**10. TÀI SẢN VÔ HÌNH**

	<i>VNĐ</i> <i>Phần mềm vi tính</i>
<b>Nguyên giá:</b>	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	7.157.618.799
Tăng	<u>720.000.000</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	<u>7.877.618.799</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	2.699.760.472
Hao mòn trong kỳ	<u>414.024.823</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	<u>3.113.785.295</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	<u>4.457.858.327</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	<u>4.763.833.504</u>

**11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

	<i>30 tháng 6 năm 2015</i>		<i>31 tháng 12 năm 2014</i>	
	<i>Giá trị (VNĐ)</i>	<i>% sở hữu</i>	<i>Giá trị (VNĐ)</i>	<i>% sở hữu</i>
<i>Tên công ty</i>				
Công ty Cổ phần Thép Pomina 2	<u>796.000.000.000</u>	<u>99,5</u>	<u>796.000.000.000</u>	<u>99,5</u>

Công ty Cổ phần Thép Pomina 2 ("POM2"), là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 4903000349 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 4 tháng 6 năm 2007 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của POM2 tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, Việt Nam. Hoạt động chính của POM2 trong năm hiện tại là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm từ thép.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VNĐ	
	30 tháng 6 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
<i>Ngắn hạn</i>		
Chi phí sửa chữa	3.788.129.398	2.883.666.006
Chi phí trực cán	1.802.278.657	1.783.780.178
Khác	2.938.041.040	1.760.192.350
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>8.528.449.095</b>	<b>6.427.638.534</b>
<i>Dài hạn</i>		
Lợi thế kinh doanh (i)	63.261.735.696	66.012.245.940
Chi phí thuê đất (ii)	15.047.004.899	15.370.763.143
Công cụ, dụng cụ và phụ tùng thay thế	6.937.676.399	11.334.467.013
Chi phí của Nhà máy Luyện Phôi thép	-	16.940.121.038
Khác	1.490.092.520	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>86.736.509.514</b>	<b>109.657.597.134</b>

(i) Lợi thế kinh doanh được xác định trong quá trình chuyển đổi hình thức của Công ty từ trách nhiệm hữu hạn sang cổ phần với giá trị ban đầu là 125.339.707.447 VNĐ. Lợi thế kinh doanh được phân bổ đến năm 2026 theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 3/13001/BB-HĐQT ngày 18 tháng 6 năm 2012.

(ii) Chi phí thuê đất đã được dùng để đảm bảo các khoản vay (Thuyết minh số 16).

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VNĐ	
	30 tháng 6 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
Phải trả cho người bán	357.949.381.502	329.763.084.635
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	1.125.886.226	29.432.075.970
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>359.075.267.728</b>	<b>359.195.160.605</b>

**14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VNĐ	
	30 tháng 6 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
Mua nguyên vật liệu	118.344.787.975	81.561.719.275
Chi phí điện	9.096.421.200	12.053.265.147
Chi phí thuê đất	7.157.053.638	-
Khác	-	2.248.270.433
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>134.598.262.813</b>	<b>95.863.254.855</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

**15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	30 tháng 6 năm 2015	VNĐ 31 tháng 12 năm 2014
Vay các bên liên quan không lãi suất (Thuyết minh số 25)	15.109.132.606	15.569.037.356
Bảo hiểm xã hội	662.095.831	971.137.192
Khác	646.060.704	607.903.124
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>16.417.289.141</u></b>	<b><u>17.148.077.672</u></b>

**16. VAY NGẮN HẠN**

	30 tháng 6 năm 2015	VNĐ 31 tháng 12 năm 2014
Vay ngắn hạn ngân hàng	2.244.977.355.513	3.123.456.628.394
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 17)	246.053.355.200	242.771.647.041
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.491.030.710.713</u></b>	<b><u>3.366.228.275.435</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

**16. VAY NGẮN HẠN (tiếp theo)**

Công ty thực hiện các khoản vay ngắn hạn nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết như sau:

Tên ngân hàng	30 tháng 6 năm 2015 (VNĐ)	Ngày đến hạn	Lãi suất (năm)	Hình thức đảm bảo
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh</b>				
Vay VNĐ	108.931.756.263	Từ ngày 16 tháng 9 năm 2015 đến ngày 24 tháng 9 năm 2015	5,5%	(i) Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và máy móc thiết;
Vay Đô la Mỹ	176.508.343.440	Từ ngày 24 tháng 8 năm 2015 đến ngày 5 tháng 10 năm 2015	3,0%	(ii) Số dư tất cả tài khoản tiền gửi ngân hàng; và (iii) Các khoản phải thu
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh</b>				
Vay VNĐ	641.161.842.733	Từ ngày 7 tháng 7 năm 2015 đến ngày 30 tháng 12 năm 2015	5,5%	(i) Hàng tồn kho luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh của Chi nhánh Nhà máy Luyện Phôi thép tại kho sản xuất tại Đường số 9, KCN Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
Vay Đô la Mỹ	766.386.288.024	Từ ngày 12 tháng 7 năm 2015 đến ngày 30 tháng 12 năm 2015	3,0%	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

**16. VAY NGẮN HẠN (tiếp theo)**

Công ty thực hiện các khoản vay ngắn hạn nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	30 tháng 6 năm 2015 (VNĐ)	Ngày đến hạn	Lãi suất (năm)	Hình thức đảm bảo
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương</b>				
Vay VNĐ	413.635.046.597	Từ ngày 29 tháng 7 năm 2015 đến ngày 30 tháng 12 năm 2015	Từ 5,4% đến 5,5%	(i) Giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Công ty tại đường số 27, Khu Công nghiệp Sóng Thần 2, thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương trị giá 84.766.600.400 VNĐ
Vay Đô la Mỹ	138.354.078.456	Từ ngày 14 tháng 8 năm 2015 đến ngày 26 tháng 12 năm 2015	3,0%	(ii) Máy móc thiết bị của Công ty theo hợp đồng thế chấp tài sản số 249TC10 ngày 23 tháng 9 năm 2010 trị giá 65.818.279.899 VNĐ, và (iii) Quyền sở hữu phần vốn góp và các quyền tài sản khác liên quan đến toàn bộ phần vốn góp của Công ty vào POM2 theo hợp đồng thế chấp tài sản số 248TC11 ngày 7 tháng 7 năm 2011 trị giá 700.000.000.000 VNĐ
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.244.977.355.513</b>			



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

17. VAY DÀI HẠN

	30 tháng 6 năm 2015	VNĐ 31 tháng 12 năm 2014
Vay dài hạn ngân hàng	<u>922.703.531.506</u>	<u>1.031.782.885.486</u>
Trong đó:		
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 16)	246.053.355.200	242.771.647.041
Vay dài hạn	676.650.176.306	789.011.238.445

Công ty thực hiện khoản vay dài hạn nhằm mục đích đầu tư xây dựng Nhà máy Luyện Phôi thép tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1. Chi tiết như sau:

Tên ngân hàng	30 tháng 6 năm 2015 (VNĐ)	Ngày đến hạn	Lãi suất (năm)	Hình thức thế chấp
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh</b>				
Vay Đô la Mỹ	663.452.739.120	Ngày 25 tháng 2 năm 2019	6%	Tài sản hình thành từ vốn vay
Vay VNĐ	259.250.792.386	Ngày 25 tháng 2 năm 2019	11%	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>922.703.531.506</b></u>			

# Công ty Cổ phần Thép Pomina

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

## 18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### 18.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư và phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lỗi lũy kế (Trình bày lại - Thuyết minh số 28)	Tổng cộng
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014:</b>							
31 tháng 12 năm 2013 Lỗi thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	(30.778.469.598)	(30.778.469.598)
30 tháng 6 năm 2014	1.874.499.510.000	35.000.000.000	(31.347.567.000)	465.290.425.275	46.137.921.299	(171.342.207.373)	2.218.238.082.201
	<u>1.874.499.510.000</u>	<u>35.000.000.000</u>	<u>(31.347.567.000)</u>	<u>465.290.425.275</u>	<u>46.137.921.299</u>	<u>(202.120.676.971)</u>	<u>2.187.459.612.603</u>
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015:</b>							
31 tháng 12 năm 2014 Lỗi thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	(48.841.824.372)	(48.841.824.372)
30 tháng 6 năm 2015	1.874.499.510.000	35.000.000.000	(31.347.567.000)	511.428.346.574	-	(240.359.374.871)	2.149.220.914.703
	<u>1.874.499.510.000</u>	<u>35.000.000.000</u>	<u>(31.347.567.000)</u>	<u>511.428.346.574</u>	<u>-</u>	<u>(289.201.199.243)</u>	<u>2.100.379.090.331</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**18.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	VNĐ	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
<b>Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu</b>		
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và 30 tháng 6 năm 2015	<u>1.874.499.510.000</u>	<u>1.874.499.510.000</u>

**18.3 Vốn cổ phần**

	Số lượng cổ phiếu	
	30 tháng 6 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
<b>Cổ phiếu đã phát hành</b>		
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	187.449.951	187.449.951
Cổ phiếu phổ thông	187.449.951	187.449.951
<b>Cổ phiếu quỹ</b>		
Cổ phiếu phổ thông	(1.132.790)	(1.132.790)
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	186.317.161	186.317.161

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

**19. DOANH THU**

**19.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VNĐ	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>3.453.157.664.672</b>	<b>3.171.811.160.998</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng nội địa</i>	3.079.602.825.500	2.276.955.867.520
<i>Doanh thu bán hàng xuất khẩu</i>	353.604.400.797	795.520.497.800
<i>Doanh thu bán phế liệu</i>	18.291.530.263	40.301.635.514
<i>Doanh thu gia công</i>	46.757.000	57.560.905.000
<i>Doanh thu khác</i>	1.612.151.112	1.472.255.164
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu:</b>	<b>(9.307.710.797)</b>	-
<i>Giảm giá hàng bán</i>	(8.703.130.997)	-
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	(604.579.800)	-
<b>DOANH THU THUẦN</b>	<b><u>3.443.849.953.875</u></b>	<b><u>3.171.811.160.998</u></b>

**19.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VNĐ	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.350.456.306	5.583.346.977
Lãi tiền gửi	101.495.397	188.630.229
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>7.451.951.703</u></b>	<b><u>5.771.977.206</u></b>

**20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VNĐ	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Chi phí lãi vay	88.621.086.048	82.654.856.947
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	25.352.842.501	23.567.910.278
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	14.104.077.795	13.973.904.745
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>128.078.006.344</u></b>	<b><u>120.196.671.970</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

**21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
<b>Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.678.525.878	10.221.093.162
Chi phí nhân công	1.926.666.717	1.431.394.825
Chi phí khác	16.873.701	209.573.072
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>11.622.066.296</u></b>	<b><u>11.862.061.059</u></b>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân công	12.159.649.110	9.322.062.858
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.778.457.089	6.079.108.872
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.227.563.152	1.104.975.815
Chi phí khác	18.237.968.620	22.184.238.455
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>37.403.637.971</u></b>	<b><u>38.690.386.000</u></b>

**22. CHI PHÍ KHÁC**

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Phạt chậm nộp thuế	4.143.324.692	-
Phân bổ lợi thế kinh doanh	2.750.510.247	2.750.510.247
Chi phí khác	2.821.310.902	754.084.704
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>9.715.145.841</u></b>	<b><u>3.504.594.951</u></b>

**23. CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Chi phí nguyên vật liệu	2.316.312.878.337	2.627.242.022.702
Chi phí nhân công	45.489.333.048	40.533.852.511
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 9 và 10)	73.338.026.339	72.961.709.113
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	247.044.754.810	343.960.259.270
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.682.184.992.534</u></b>	<b><u>3.084.697.843.596</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

**24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") của Công ty là 22% trên tổng lợi nhuận chịu thuế.

Ngoài ra, chi nhánh Nhà máy Luyện Phôi thép được hưởng các ưu đãi thuế suất thuế TNDN như sau:

- (i) 10% trong vòng mười lăm (15) năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh (từ năm 2012 đến năm 2026); và
- (ii) Miễn thuế TNDN trong bốn (4) năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong chín (9) năm tiếp theo.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.



# Công ty Cổ phần Thép Pomina

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

## 24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

### 24.1 Thuế TNDN hiện hành

Dưới đây là đối chiếu giữa lỗ chịu thuế và lỗ kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ:

	Trụ sở chính	Chi nhánh Nhà máy Luyện Phôi thép	Tổng cộng	VNĐ
<b>Tổng lỗ kế toán trước thuế</b>	<b>(42.070.430.099)</b>	<b>(6.771.394.273)</b>	<b>(48.841.824.372)</b>	<b>(30.813.610.534)</b>
<b>Các điều chỉnh:</b>				
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	8.455.805.396	1.259.340.445	9.715.145.841	3.505.394.951
Thay đổi lãi chưa thực hiện	-	(4.403.310.969)	(4.403.310.969)	-
Thay đổi trợ cấp thời việc phải trả	(1.038.357.500)	-	(1.038.357.500)	-
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(750.459.449)	-	(750.459.449)	(2.929.786)
<b>Lỗ chịu thuế ước tính trong kỳ hiện hành</b>	<b>(35.403.441.652)</b>	<b>(9.915.364.797)</b>	<b>(45.318.806.449)</b>	<b>(27.311.145.369)</b>
Thuế TNDN ước tính trong kỳ hiện hành	-	-	-	-
Thuế TNDN trả trước đầu kỳ	(6.778.938.467)	-	(6.778.938.467)	(6.778.938.467)
<b>Thuế TNDN trả trước cuối kỳ</b> <i>(Thuyết minh số 8)</i>	<b>(6.778.938.467)</b>	<b>-</b>	<b>(6.778.938.467)</b>	<b>(6.778.938.467)</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

**24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**24.2 Thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản mục sau do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai có đủ để sử dụng các khoản này ở thời điểm hiện tại:

	<i>VNĐ</i> <i>Số tiền</i>
Lỗi chuyển sang từ năm trước	270.383.413.415
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(511.532.882)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>269.871.880.533</u></b>

***Lỗi chuyển sang từ năm trước***

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty có khoản lỗ lũy kế là 270.383.413.415 VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 225.064.606.966 VNĐ) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai.

Chi tiết như sau:

					<i>VNĐ</i>
<i>Năm phát sinh</i>	<i>Có thể chuyển lỗ đến năm</i>	<i>Lỗ tính thuế</i>	<i>Đã chuyển lỗ đến 30/6/2015</i>	<i>Còn được chuyển lỗ tại 30/6/2015</i>	
<i>Trụ sở chính</i>					
2013	2018	31.738.436.325	(30.483.010.946)		1.255.425.379
2015	2020	35.403.441.652	-		35.403.441.652
<i>Chi nhánh Nhà máy Luyện Phôi thép</i>					
2012	2017	112.300.405.377	-		112.300.405.377
2013	2018	21.863.692.206	-		21.863.692.206
2014	2019	89.645.084.004	-		89.645.084.004
2015	2020	9.915.364.797	-		9.915.364.797
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b><u>300.866.424.361</u></b>	<b><u>(30.483.010.946)</u></b>		<b><u>270.383.413.415</u></b>

Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

**25. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan kỳ này và kỳ trước bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>VNĐ</i>	
			<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Thép Việt	Công ty mẹ	Doanh thu bán hàng	2.741.706.564.150	1.237.787.500
		Hàng bán trả lại	468.707.500	-
		Dịch vụ cung cấp dịch vụ	1.967.855.835	40.000.000
Công ty Cổ phần Thép Pomina 2	Công ty con	Doanh thu bán phế liệu	618.305.260.000	117.245.500
		Doanh thu bán phôi thép	373.533.478.470	-
		Doanh thu gia công	46.757.000	57.560.905.000
		Mua nguyên liệu	-	22.531.073.695
Công ty TNHH Thương mại Thép Pomina	Bên liên quan	Doanh thu bán hàng	26.583.546.350	2.274.126.312.000
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	18.619.430	1.756.422.665
		Chi phí thuê	291.100.000	18.660.500

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>VNĐ</i>	
			<i>30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>31 tháng 12 năm 2014</i>
<b><i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i></b>				
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Thép Việt	Công ty mẹ	Doanh thu bán hàng	1.121.541.492.843	770.470.089.055
Công ty TNHH Thương mại Thép Pomina	Bên liên quan	Doanh thu bán hàng	51.432.700	52.885.900
Công ty Cổ phần Thép Pomina 2	Công ty con	Doanh thu bán hàng	124.991.159.552	384.829.602.709
			<b><u>1.246.584.085.095</u></b>	<b><u>1.155.352.577.664</u></b>
<b><i>Phải thu ngắn hạn khác</i></b>				
Công ty Cổ phần Thép Pomina 2	Công ty con	Cổ tức	<u>4.583.310.995</u>	<u>4.583.310.995</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

**25. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:  
(tiếp theo)

			VNĐ	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>31 tháng 12 năm 2014</i>
<b><i>Phải trả người bán ngắn hạn</i></b>				
Công ty Cổ phần Thép Pomina 2	Công ty con	Mua phế liệu	918.877.976	29.014.775.740
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Thép Việt	Công ty mẹ	Mua nguyên liệu	177.308.250	317.200.230
Công ty TNHH Thương mại Thép Pomina	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ	29.700.000	100.100.000
			<b>1.125.886.226</b>	<b>29.432.075.970</b>
<b><i>Phải trả ngắn hạn khác</i></b>				
Bà Đỗ Thị Kim Ngọc	Cổ đông	Vay không lãi suất	12.509.132.606	12.969.037.356
Bà Trương Đỗ Thị Cẩm Hương	Bên liên quan	Vay không lãi suất	2.600.000.000	2.600.000.000
			<b>15.109.132.606</b>	<b>15.569.037.356</b>

***Các giao dịch với các bên liên quan khác***

*Chi tiết lương và thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc kỳ này và kỳ trước như sau:*

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Lương và thù lao	1.021.875.159	963.264.717

**26. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty đang thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 được trình bày như sau:

	VNĐ	
	<i>30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>31 tháng 12 năm 2014</i>
Dưới 1 năm	17.807.434.520	16.440.992.140
Từ 1 tới 5 năm	64.403.278.080	63.190.768.560
Trên 5 năm	453.852.338.940	452.156.774.025
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>536.063.051.540</b>	<b>531.788.534.725</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

**27. SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG**

Căn cứ vào Quyết định số 73/QĐ-HQBD ngày 14 tháng 1 năm 2015 của Cục Hải quan Tỉnh Bình Dương về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu và nhập khẩu năm 2011, Ban Giám đốc quyết định điều chỉnh hồi tố do ghi nhận thiếu thuế nhập khẩu và thuế giá trị gia tăng năm 2011 với tổng trị giá là 20.962.283.591 VNĐ, như sau:

	VNĐ		
	Trước trình bày lại	Trình bày lại	Đã trình bày lại
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>			
Lỗ sau thuế chưa phân phối	(219.397.091.280)	(20.962.283.591)	(240.359.374.871)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17.627.879	20.962.283.591	20.979.911.470

Ngoài ra, một số khoản mục tương ứng trên bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của kỳ này do việc áp dụng Thông tư 200, chi tiết như sau:


	VNĐ		
	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (đã được trình bày trước đây)	Phân loại lại	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (được phân loại lại)


**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tài sản ngắn hạn khác	869.758.356	(869.758.356)	-
Phải thu ngắn hạn khác	6.207.929.463	869.758.356	7.077.687.819
Tài sản dài hạn khác	10.000.000	(10.000.000)	-
Phải thu dài hạn khác	-	10.000.000	10.000.000
Quỹ dự phòng tài chính	46.137.921.299	(46.137.921.299)	-
Quỹ đầu tư phát triển	465.290.425.275	46.137.921.299	511.428.346.574

**28. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

  
Nguyễn Thị Phương Mai  
Người lập

  
Nguyễn Nhật Trường  
Kế toán trưởng

  
Đỗ Tiến Sĩ  
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 8 năm 2015